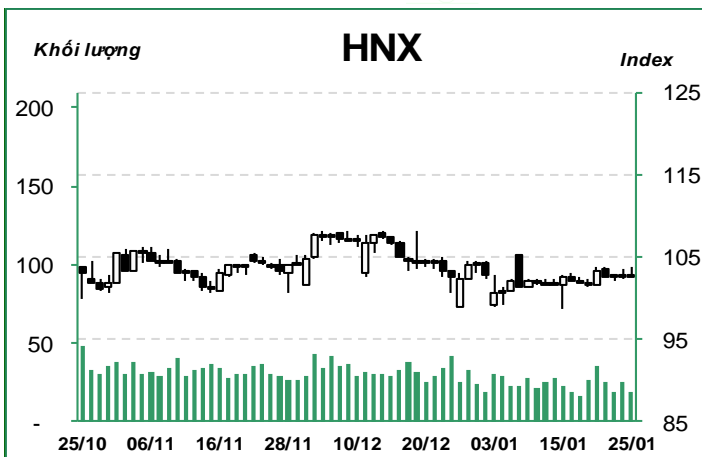
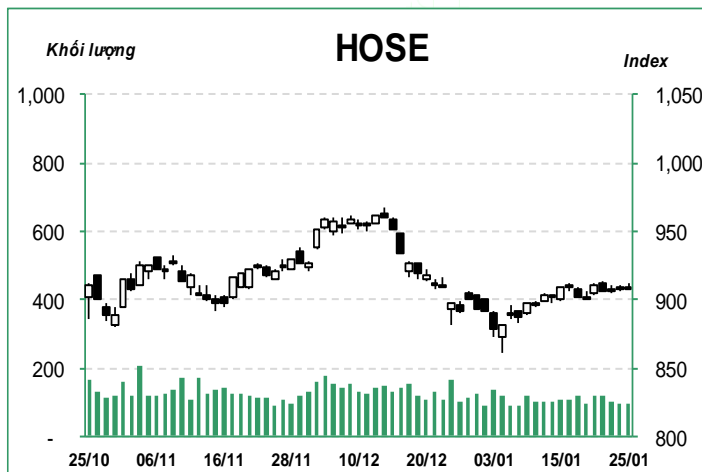


## Tổng quan thị trường

| 25/01/2019                  | HOSE            |                 | VN30            |                 | HNX           |                 |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|---------------|-----------------|
|                             | Giá trị         | Thay đổi %      | Giá trị         | Thay đổi %      | Giá trị       | Thay đổi %      |
| <b>Giá trị đóng cửa</b>     | <b>908.88</b>   | <b>0.01%</b>    | <b>867.70</b>   | <b>0.25%</b>    | <b>102.74</b> | <b>-0.04%</b>   |
| Cuối tuần trước             | 902.30          | 0.73%           | 854.79          | 1.51%           | 101.56        | 1.17%           |
| Trung bình 20 ngày          | 899.65          | 1.03%           | 856.69          | 1.29%           | 102.04        | 0.69%           |
| <b>Tổng KLGD (triệu cp)</b> | <b>117.59</b>   | <b>6.61%</b>    | <b>37.04</b>    | <b>-11.29%</b>  | <b>19.46</b>  | <b>-31.16%</b>  |
| <b>KLGD khớp lệnh</b>       | <b>94.87</b>    | <b>1.38%</b>    | <b>34.85</b>    | <b>-0.71%</b>   | <b>18.83</b>  | <b>-26.10%</b>  |
| Trung bình 20 ngày          | 106.61          | -11.01%         | 34.99           | -0.40%          | 24.05         | -21.72%         |
| <b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>  | <b>2,671.43</b> | <b>-0.24%</b>   | <b>1,273.08</b> | <b>-20.68%</b>  | <b>231.90</b> | <b>-38.68%</b>  |
| <b>GTGD khớp lệnh</b>       | <b>1,939.26</b> | <b>-0.47%</b>   | <b>1,095.58</b> | <b>-2.18%</b>   | <b>221.26</b> | <b>-36.52%</b>  |
| Trung bình 20 ngày          | 2,004.27        | 33.29%          | 1,091.57        | 16.63%          | 299.47        | -22.56%         |
|                             |                 | <b>Tỷ trọng</b> |                 | <b>Tỷ trọng</b> |               | <b>Tỷ trọng</b> |
| <b>Số mã tăng</b>           | 134             | 39%             | 14              | 47%             | 62            | 16%             |
| <b>Số mã giảm</b>           | 155             | 46%             | 12              | 40%             | 71            | 19%             |
| <b>Số mã đứng giá</b>       | 51              | 15%             | 4               | 13%             | 245           | 65%             |



Thị trường trong phiên ngày 25/1 đã kết tuần tiếp tục bằng một phiên giao dịch giằng co trong biên độ hẹp khi có sự phân hóa diễn ra toàn thị trường. Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức thấp khiến diễn biến thị trường hôm nay khá trầm lắng, bên cạnh đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng khiến thị trường không có đủ động lực để bật tăng. Vào phiên giao dịch buổi sáng, các chỉ số tỏ ra hưng phấn và tăng điểm vào đầu phiên nhưng nhanh chóng đảo ngược về vùng tham chiếu khi thiếu vắng đi sự hỗ trợ của lực cầu. Diễn biến giằng co diễn ra suốt thời gian giao dịch khiến chỉ số liên tục đảo chiều xanh đỏ. Kết phiên, cả hai chỉ số đóng cửa tại vùng giá tương đương với mốc tham chiếu.

VN-Index đóng cửa tại mức 908.88 điểm (+0.01%), với KLGD khớp lệnh đạt 94.9 triệu cổ phiếu (+1.4%), tương đương 1,939 tỷ đồng giá trị (-0.5%).

Nhóm Vận tải dẫn đầu nhóm cổ phiếu tăng giá trên sàn HOSE hôm nay khi cổ phiếu lớn của ngành là VJC (+3.8%) có phiên tăng tốt, các cổ phiếu cùng ngành cũng tăng điểm trong hôm nay là VNL (+6.8%), SKG (+1.4%) và NCT (+1.0%). Nhóm Bảo hiểm hỗ trợ tích cực cho thị trường khi BVH (+1.8%) có phiên tăng điểm tốt. Ngoài ra, sắc xanh đến từ các cổ phiếu có vốn hóa lớn như MSN (+0.4%), VNM (+0.3%) thuộc nhóm Thực phẩm và VCB (+0.7%) thuộc nhóm Ngân hàng cũng tác động tích cực đến tâm lý chung của thị trường. Ở chiều ngược lại, sắc đỏ đến từ cổ phiếu DXG (-1.1%) và VHM (-1.0%) thuộc nhóm Bất động sản đã hỗ trợ cho lực bán cân bằng trở lại với lực mua. Áp lực điều chỉnh còn đến từ một số cổ phiếu lớn như GAS (-0.3%) thuộc nhóm Dầu khí và BID (-1.4%), CTG (-1.2%) thuộc nhóm Ngân hàng.

Khối ngoại gia tăng bán ròng trên sàn HOSE, đạt giá trị 35.9 tỷ đồng (+13.3%), lực bán tập trung vào các cổ phiếu DHG (-83.9 tỷ), CTD (-25.9 tỷ), MSN (-20.6 tỷ), và lực mua tập trung

## Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK       | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| <b>HOSE</b> |                      |                |
| NLG         | 3,800.0              | 96.90          |
| DHG         | 1,050.0              | 89.25          |
| BWE         | 2,850.0              | 64.41          |
| GEX         | 1,959.0              | 42.90          |
| HNG         | 2,000.0              | 30.00          |
| TCB         | 1,075.0              | 29.06          |
| MSN         | 350.0                | 27.35          |
| VNM         | 162.3                | 22.07          |
| VIC         | 200.0                | 20.58          |
| HTV         | 1,085.5              | 15.58          |
| <b>HNX</b>  |                      |                |
| VGC         | 501.0                | 8.95           |
| MSC         | 52.5                 | 0.84           |
| PVI         | 10.0                 | 0.33           |
| ACB         | 11.2                 | 0.30           |
| SĐT         | 37.0                 | 0.17           |
| ALV         | 23.8                 | 0.06           |
| PVS         | 0.1                  | 0.00           |

vào các cổ phiếu STB (+43.3 tỷ), VCB (+31.3 tỷ), CTG (+19.0 tỷ).

Có diễn biến tương tự, HNX-Index đóng cửa tại mức 102.74 điểm (-0.04%), với KLGD khớp lệnh đạt 18.8 triệu cổ phiếu (-26.1%), tương đương 221.3 tỷ đồng giá trị (-36.5%).

Nhóm Bảo hiểm dẫn đầu đà giảm trên sàn Hà Nội khi VNR (-8.4%) và PTI (-1.2%) giảm điểm. Bên cạnh đó, sắc đỏ còn đến từ nhóm Vật liệu xây dựng khi VIT (-5.0%), VHL (-2.0%) và VGC (-0.5%) dẫn đầu đà giảm của ngành. Tương tự, đà sụt giảm đến từ các cổ phiếu lớn của ngành Chứng khoán như IVS (-3.4%), BVS (-1.6%) và MBS (-1.3%). Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu Xây dựng dẫn đầu bởi PVX (+11.1%) và VCG (+2.5%) đã kim hãm được đà giảm của HNX-Index. Ngoài ra, sắc xanh từ các cổ phiếu lớn như SGC (+9.7%) thuộc nhóm Thực phẩm và CDN (+6.3%) thuộc nhóm Cảng biển cũng hỗ trợ tích cực cho thị trường.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn Hà Nội, đạt giá trị 1.2 tỷ đồng (-76.9%), lực bán tập trung vào các mã NDN (-2.4 tỷ), VCG (-1.1 tỷ), VHL (-0.4 tỷ). Ở chiều ngược lại, khối ngoại mua vào PVS (+3.5 tỷ), WCS (+0.1 tỷ), SHS (+0.1 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch tiếp tục duy trì ở mức thấp hơn bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền vẫn thận trọng và đứng ngoài thị trường. Tuy nhiên, chỉ số đang vận động trong biên độ hẹp và duy trì đóng cửa trên MA5, kèm theo đường MA20 đang cho tín hiệu phục hồi tích cực trở lại, do đó, chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ tiếp diễn kịch bản Sideway Up trong những phiên tới. Không những vậy, các chỉ báo kỹ thuật khác, như MACD và RSI đang đi lên, cho thấy động lực phục hồi của chỉ số cũng đang dần cải thiện tích cực, chỉ số có khả năng tiếp tục tiến lên thử thách vùng mục tiêu 917 điểm (MA50). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến kém tích cực hơn, khi chỉ số có phiên giảm nhẹ trở lại. Mặc dù vậy, chỉ số tiếp tục vận động trên MA20, kèm theo MA5, 10, 20 đang có dấu hiệu hội tụ, cho thấy chỉ số đang nằm trong xu hướng tích lũy ngắn hạn. Chỉ số có thể tiếp tục vận động trong biên độ hẹp quanh vùng 102.2 - 103.8 điểm (MA20- MA50). Nhìn chung, thị trường có thể đang vận động giằng co theo kịch bản Sideway up. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc thực hiện chiến lược lướt sóng với tỷ trọng nhỏ, trên các cổ phiếu có cơ bản tốt, có thông tin hỗ trợ tích cực từ kết quả kinh doanh quý 4 khả quan hoặc hưởng lợi từ các hiệp định thương mại.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| CTF   | 23.0                | 31.4           | 7.0%         |
| STK   | 17.0                | 181.6          | 6.9%         |
| SHP   | 22.6                | 0.1            | 6.9%         |
| DAT   | 11.7                | 0.0            | 6.9%         |
| TLH   | 5.0                 | 178.0          | 6.8%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| NAV   | 7.4                 | 1.0            | -7.0%        |
| TTE   | 9.7                 | 0.2            | -7.0%        |
| PIT   | 4.9                 | 0.0            | -7.0%        |
| SII   | 17.4                | 0.0            | -7.0%        |
| RDP   | 10.1                | 5.3            | -6.9%        |

#### Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| CTG   | 20.2                | 121.7             | -1.2%        |
| VNM   | 135.9               | 110.7             | 0.3%         |
| VJC   | 122.5               | 93.8              | 3.8%         |
| STB   | 12.3                | 79.0              | 0.8%         |
| ROS   | 34.6                | 75.1              | -1.1%        |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| STB   | 12.3                | 6,422.9        | 0.8%         |
| CTG   | 20.2                | 5,976.7        | -1.2%        |
| FLC   | 5.2                 | 3,869.4        | -1.0%        |
| MBB   | 21.2                | 3,310.9        | -0.2%        |
| HAI   | 1.8                 | 2,669.4        | -3.7%        |

### HNX

#### Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| VMI   | 0.9                 | 66.1           | 12.5%        |
| PVX   | 1.0                 | 295.3          | 11.1%        |
| TMX   | 8.9                 | 0.2            | 9.9%         |
| RCL   | 27.8                | 0.1            | 9.9%         |
| VE9   | 3.4                 | 82.8           | 9.7%         |

#### Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| PVV   | 0.4                 | 7.4            | -20.0%       |
| DPS   | 0.5                 | 19.2           | -16.7%       |
| SHE   | 16.8                | 57.3           | -16.0%       |
| NHP   | 0.6                 | 8.6            | -14.3%       |
| HKB   | 0.7                 | 79.7           | -12.5%       |

#### Top 5 giá trị

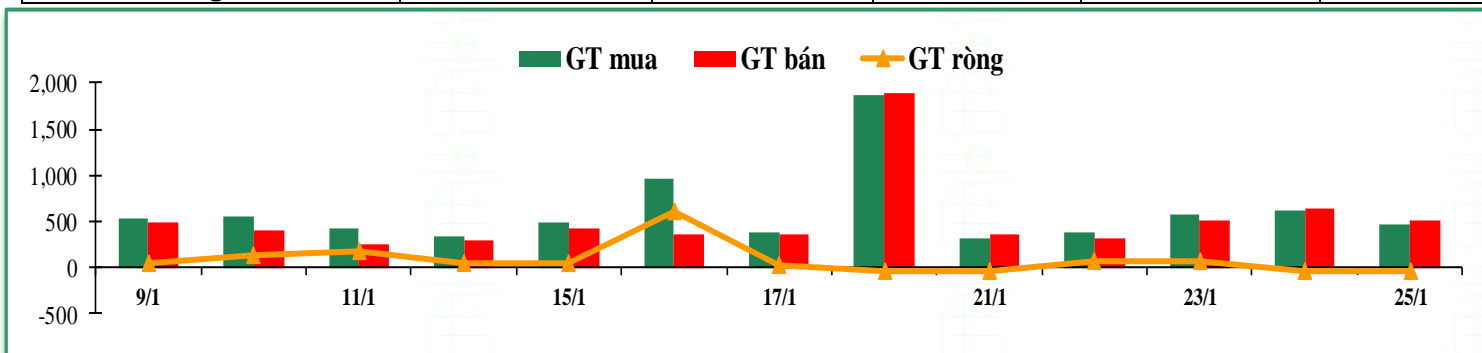
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VCG   | 24.7                | 61.8              | 2.5%         |
| ACB   | 29.2                | 24.5              | 0.0%         |
| PVS   | 18.2                | 23.6              | 0.0%         |
| VGC   | 19.2                | 22.4              | -0.5%        |
| SHB   | 7.1                 | 14.5              | 0.0%         |

#### Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| VCG   | 24.7                | 2,516.8        | 2.5%         |
| ART   | 2.3                 | 2,241.0        | -4.2%        |
| SHB   | 7.1                 | 2,046.6        | 0.0%         |
| PVS   | 18.2                | 1,290.6        | 0.0%         |
| VGC   | 19.2                | 1,165.1        | -0.5%        |

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD         | GT Mua       | % Thị trường | GT Bán       | % Thị trường | Mua-Bán      |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| HOSE           | 459.6        | 23.7%        | 495.5        | 25.6%        | -35.9        |
| HNX            | 5.0          | 2.3%         | 6.2          | 2.8%         | -1.2         |
| <b>Tổng số</b> | <b>464.6</b> |              | <b>501.7</b> |              | <b>-37.1</b> |



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VNM   | 135.9               | 100.7             | 0.3%         |
| MSN   | 78.3                | 56.5              | 0.4%         |
| STB   | 12.3                | 45.3              | 0.8%         |
| VIC   | 102.9               | 41.7              | 0.1%         |
| VCB   | 55.8                | 31.6              | 0.7%         |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VNM   | 135.9               | 87.4              | 0.3%         |
| DHG   | 84.9                | 84.0              | 1.1%         |
| MSN   | 78.3                | 77.2              | 0.4%         |
| VIC   | 102.9               | 39.1              | 0.1%         |
| HPG   | 29.7                | 30.2              | -0.5%        |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| STB   | 12.3                | 43.3              | 0.8%         |
| VCB   | 55.8                | 31.3              | 0.7%         |
| CTG   | 20.2                | 19.0              | -1.2%        |
| VNM   | 135.9               | 13.3              | 0.3%         |
| NT2   | 29.1                | 10.0              | 2.5%         |

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS   | 18.2                | 4.2               | 0.0%         |
| BVS   | 12.1                | 0.2               | -1.6%        |
| SEB   | 31.8                | 0.1               | 0.0%         |
| PTI   | 16.0                | 0.1               | -1.2%        |
| WCS   | 129.0               | 0.1               | -2.3%        |

#### Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| NDN   | 11.5                | 2.4               | 0.9%         |
| VCG   | 24.7                | 1.1               | 2.5%         |
| PVS   | 18.2                | 0.6               | 0.0%         |
| VHL   | 25.0                | 0.4               | -2.0%        |
| INN   | 29.4                | 0.3               | -0.3%        |

#### Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PVS   | 18.2                | 3.5               | 0.0%         |
| WCS   | 129.0               | 0.1               | -2.3%        |
| SHS   | 10.5                | 0.1               | 1.0%         |
| TKU   | 9.0                 | 0.0               | -5.3%        |
| APS   | 3.1                 | 0.0               | 0.0%         |

## Tin trong nước

### **Năm 2018 kiều bào chuyển về nước 18,9 tỷ USD**

Trong cả nước, năm 2018, kiều bào chuyển về 18,9 tỷ USD, trong đó TP.HCM đạt trên 5 tỷ USD. Đặc biệt, 70% lượng kiều hối được sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh.

Số liệu được Chủ tịch UBND TP.HCM Nguyễn Thành Phong trong buổi họp mặt thân mật của lãnh đạo TP.HCM với hơn 800 kiều bào từ gần 30 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới trở về quê trước thềm Tết cổ truyền Kỷ Hợi 2019.

Những năm gần đây, kiều bào trở về không chỉ thăm thân nhân mà ngày càng có xu hướng đầu tư kinh tế, đóng góp rất nhiều vào sự tăng trưởng kinh tế- xã hội của cả nước nói chung, TP.HCM nói riêng. Trong cả nước, năm 2018, kiều bào chuyển về 18,9 tỷ USD, trong đó TP.HCM trên 5 tỷ USD. 70% lượng kiều hối được sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh.

### **Ngân hàng tăng lãi suất, lượng tiền huy động vẫn giảm dịp sát Tết**

Từ ngày 25/1, Ngân hàng Á Châu - ACB áp dụng biểu lãi suất mới, trong đó tăng 0,2-0,3% ở hầu hết kỳ hạn. Theo đó, khách gửi tiết kiệm kỳ hạn 6-9 tháng hưởng lãi suất 6,4-6,7% một năm, tăng 0,3 điểm phần trăm so với trước đó. Lãi suất kỳ hạn 3 tháng với khoản tiền từ 200 triệu là 5,4% một năm, tăng 0,2 điểm phần trăm. Ngoài ra, tùy vào số tiền gửi, nếu càng nhiều thì lãi suất cộng thêm càng cao.

Tương tự tại Techcombank, từ ngày 21/1 ngân hàng đã tăng lãi suất tiết kiệm các kỳ hạn từ 1 tháng đến 5 tháng thêm 0,2-0,3 điểm phần trăm; tăng kỳ hạn 9 tháng và các kỳ hạn từ 13 tháng trở lên thêm 0,1 điểm phần trăm; kỳ hạn 12 tháng tăng 0,2 điểm phần trăm. Lãi suất các kỳ hạn còn lại được giữ nguyên.

Tại một số ngân hàng khác như MBBank, VIB, TPBank..., lãi suất sau khi được điều chỉnh tăng hồi cuối năm 2018, giờ vẫn được giữ ở mức cao.

Tuy nhiên, hiện cũng có một vài ngân hàng đang "lội ngược dòng" khi điều chỉnh giảm lãi suất tiền gửi ở một số sản phẩm. Cụ thể, BIDV mới thay đổi biểu lãi suất huy động, theo đó nhà băng này hạ lãi suất tiết kiệm 5 tháng từ mức trần quy định (5,5% một năm) xuống còn 5,2% mỗi năm. Các kỳ hạn khác vẫn được giữ nguyên. Biểu lãi suất mới được áp dụng từ ngày 22/1. Trước đó, cuối tháng 12/2018, BIDV đã tăng mạnh lãi suất kỳ hạn 5 tháng thêm 0,5% mỗi năm.

Cùng ngày này, VPBank cũng điều chỉnh giảm 0,1-0,5% lãi suất kỳ hạn từ 6 đến 36 tháng. Cụ thể, lãi suất tiết kiệm thường của nhà băng này với kỳ hạn 6 tháng đến 11 tháng hiện nay là 7%, giảm 0,2%. Lãi suất kỳ hạn 12 tháng là 7,05%; lãi suất kỳ hạn 13 tháng và 15 tháng là từ 7,2-7,4%, đều giảm 0,2 điểm phần trăm so với trước đó.

Các chuyên gia cho rằng, việc điều chỉnh giảm lãi suất ở một số ngân hàng như BIDV, VPBank... có thể chỉ nhằm cơ cấu lại cho phù hợp nhu cầu vốn, chưa phản ánh được xu hướng của lãi suất huy động sắp tới. Bởi trên thực tế, trước Tết Nguyên đán vẫn là thời gian nhu cầu vốn trong nền kinh tế ở mức cao, chưa kể đây là dịp doanh nghiệp rút tiền ra chi trả lương thưởng, còn người dân thì cần dùng nhiều tiền mua sắm Tết.

Theo ông Tú, trong năm 2018 sức ép về tăng lãi suất rất lớn, nhưng Ngân hàng Nhà nước kiên định ổn định lãi suất. Không ít ngân hàng thương mại nhỏ đẩy lãi suất huy động lên hút vốn, phục vụ cho thanh khoản và cơ quan này lại phải bơm tiền ra hoặc có công cụ để hạn chế, làm sao giữ được ổn định lãi suất cho doanh nghiệp.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **ACB báo lãi kỷ lục gần 6.400 tỷ đồng, gấp 2,4 lần năm 2017**

Tăng thu nhập lãi và hoạt động khác trong khi giảm chi phí dự phòng là nguyên nhân chính giúp lợi nhuận năm 2018 của ngân hàng tăng mạnh.

Ngân hàng TMCP Á Châu (HNX: ACB) vừa công bố kết quả kinh doanh cả năm 2018 với lợi nhuận cao gấp 2,4 lần năm trước, đạt gần 6.400 tỷ đồng, vượt qua kỷ lục 4.022 tỷ đồng năm 2011. Tính đến nay, tăng trưởng của ACB là mức cao nhất trong ngành.

Động lực chính cho tăng trưởng của ACB đến từ thu nhập hoạt động khác cao gấp đôi, lên 1.815 tỷ đồng. Nguồn thu này một phần đến từ hoạt động thu hồi các khoản nợ đã được xử lý và đóng góp mức thu nhập lớn thứ hai, chỉ sau thu nhập lãi thuần. Thu nhập từ tín dụng cả năm 2018 vượt trên 10.000 tỷ đồng, tăng 23% so với năm trước. Thu nhập dịch vụ cũng tăng 26%.

Cùng với đó, chi phí dự phòng cũng giảm gần 75% trong quý IV và giảm 64% trong cả năm. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế của ACB đạt 6.389 tỷ đồng, vượt 12% so với mức kế hoạch tham vọng (cao kỷ lục) 5.699 tỷ đồng.

Đến cuối năm 2018, tổng tài sản của ACB tăng 16% lên 329.333 tỷ đồng. Tăng trưởng cho vay và huy động khách hàng đạt lần lượt 11,85% và 16,41%. Tỷ lệ nợ xấu nhích nhẹ từ 0,71% lên 0,73% nhưng vẫn ở mức dưới 1%.

### **Nhận thêm tàu mới, PVT báo lãi năm 2018 tăng 44% đạt 771 tỷ đồng**

Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans –HoSE: PVT) vừa công bố báo cáo tài chính quý IV với doanh thu thuần tăng 13% lên mức 1.923 tỷ đồng. Giá vốn cũng tăng mạnh khiến lợi nhuận gộp chỉ còn tăng 9% đạt 386 tỷ đồng.

Trong kỳ, hoạt động tài chính hiệu quả hơn khi doanh thu tăng thêm 30 tỷ trong khi chi phí đi ngang. Chi phí bán hàng giảm nhẹ, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 24% lên 88,5 tỷ đồng. Quý IV/2018 công ty có lợi nhuận khác, trong khi cùng kỳ năm ngoái ghi nhận lỗ.

Với những biến động lớn trên, PVTrans báo lãi sau thuế 267 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ 2017.

Tính chung năm 2018, PVT ghi nhận doanh thu tăng 23% lên 7.534 tỷ đồng. Từ đó, công ty báo lãi sau thuế 771 tỷ, cao hơn 44% so với năm 2017. EPS đạt mức 2.288 đồng.

Trong năm 2018, PVTrans đặt kế hoạch kinh doanh với chỉ tiêu doanh thu 5.250 tỷ và lợi nhuận sau thuế 357 tỷ đồng. Như vậy, công ty đều vượt xa kế hoạch đã đề ra.

Tại thời điểm cuối năm, tổng tài sản của PVT đạt 10.234 tỷ đồng. Nợ vay của công ty ở mức 2.985 tỷ. Vốn chủ sở hữu ghi nhận 5.136 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận chưa phân phối là 841 tỷ đồng

### **Lãi lớn, TCM chia cổ tức đợt 1 với tỷ lệ 5%**

#### **TCM dự chi 27 tỷ chia cổ tức đợt 1 năm 2018 vào 19/3.**

Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công (HoSE: TCM) thông báo 27/2 là ngày chốt danh sách cổ đông nhằm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019 và thanh toán cổ tức đợt 1 cho năm 2018.

Tỷ lệ thanh toán là 5% bằng tiền mặt (1 cổ phần được nhận 500 đồng). Với 54 triệu cổ phiếu đang lưu hành, tổng số tiền công ty dự chi là 27 tỷ đồng.

Thời gian thanh toán cổ tức dự kiến vào 19/3 và thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019 là 12/4.

Hoạt động kinh doanh của TCM khá khả quan. Lợi nhuận quý IV/2018 đạt 47 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ. Tính chung cả năm 2018, công ty lãi 260 tỷ đồng, tăng trưởng 35% và EPS đạt mức 4.069 đồng.

### **Lãi ròng DGC tăng gần 6 lần trong 2018 sau sáp nhập DGL**

**DGC báo lãi hơn 880 tỷ đồng, gấp 7 lần năm trước; riêng quý IV đóng góp 259 tỷ đồng, tăng 1,7 lần.**

Theo BCTC hợp nhất quý IV, CTCP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang (HNX: DGC) ghi nhận doanh thu thuần 1.735 tỷ đồng, gấp 6,3 lần cùng kỳ 2017. Trừ giá vốn, lãi gộp gấp 11,4 lần đạt 462,4 tỷ đồng.

Chi phí bán hàng và chi phí doanh nghiệp đều tăng lần lượt hơn 6 lần năm trước, dừng ở mức 149 tỷ đồng và 31,6 tỷ đồng. DGC kết thúc quý IV với khoản lãi ròng gần 260 tỷ đồng, gấp 2,7 lần năm trước.

Lũy kế 2018, DGC báo doanh thu thuần và lãi ròng lần lượt 6.062 tỷ đồng và 881 tỷ đồng, gấp 9 lần và 7 lần so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm đạt hơn 1.155 tỷ đồng.

Tổng tài sản của DGC ở mức 4.744 tỷ đồng, gấp 5 lần năm trước. Tài sản ngắn hạn chiếm 44%, trong đó tiền và tương đương tiền gần 274,3 tỷ đồng. Phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho 1.546 tỷ đồng.

Năm qua, DGC đã tiến hành sáp nhập với CTCP Hóa chất Đức Giang – Lào Cai (DGL) bằng việc phát hành 58 triệu cp hoán đổi. Vốn điều lệ của DGC nâng gấp đôi lên hơn 1.078 tỷ đồng. Thặng dư vốn cổ phần gần 1.207,3 tỷ đồng. Công ty đang nợ tài chính 1.133 tỷ đồng, toàn bộ là vay ngắn hạn.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Lý Do                     |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------------------------|
| 1   | SJS   | Nắm giữ     | 14/1/2019        | 22.2         | 19.8          | 12.4%          | 23.0         | 16.5%      | 18.6       | -5.8%      | Xu hướng phục hồi trở lại |

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Lý Do |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|-------|
| 1   | SJS   | Nắm giữ     | 14/1/2019        | 22.20        | 19.75         | 12.4%          | 23.0         | 16%        | 18.6       | -6%        |       |
| 2   | FPT   | Mua         | 16/1/2019        | 42.40        | 42.80         | -0.9%          | 45.1         | 5%         | 41.9       | -2%        |       |
| 3   | VIC   | Mua         | 17/1/2019        | 102.90       | 102.00        | 0.9%           | 112.0        | 10%        | 100.0      | -2%        |       |
| 4   | KBC   | Mua         | 17/1/2019        | 14.05        | 14.10         | -0.4%          | 15.5         | 10%        | 13.4       | -5%        |       |
| 5   | HDB   | Mua         | 22/1/2019        | 29.95        | 29.65         | 1.0%           | 32.0         | 8%         | 29.0       | -2%        |       |
| 6   | VPB   | Mua         | 22/1/2019        | 20.05        | 20.00         | 0.2%           | 22.5         | 13%        | 19.0       | -5%        |       |
| 7   | DGW   | Mua         | 22/1/2019        | 22.80        | 23.30         | -2.1%          | 25.2         | 8%         | 22.4       | -4%        |       |
| 8   | ANV   | Mua         | 23/1/2019        | 28.55        | 27.60         | 3.4%           | 30.5         | 11%        | 27.0       | -2%        |       |
| 9   | PVT   | Mua         | 24/1/2019        | 16.85        | 16.55         | 1.8%           | 18.0         | 9%         | 16.1       | -3%        |       |
| 10  | PVD   | Mua         | 25/1/2019        | 15.80        | 15.85         | -0.3%          | 17.5         | 10%        | 15.1       | -5%        |       |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK                     | Sàn   | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2018/19E (tỷ) | EPS 2018/19E | BV 2018/19E | ROE 2018/19E | ROA 2018/19E | PE 2018/19E | PB 2018/19E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|-------------------------|--------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|------------------|
| <a href="#">CTD</a> (New) | HOSE  | 131,500 | 157,632       | 25/01/2019      | 1,608                   | 21,302       | 117,140     | 19%          | 9%           | 7.4         | 1.3         | 50%              |
| <a href="#">BMP</a> (New) | HOSE  | 48,500  | 75,200        | 09/01/2019      | 499                     | 6,090        | 33,553      | 19%          | 16%          | 12.4        | 2.2         | 40%              |
| <a href="#">CTI</a> (New) | HOSE  | 25,500  | 30,370        | 24/12/2018      | 139                     | 1,789        | 23,470      | 10%          | 3%           | 16.9        | 1.3         | 10%              |
| <a href="#">QNS</a> (New) | HOSE  | 42,400  | 47,753        | 21/12/2018      | 1,097                   | 3,751        | 16,965      | 23%          | 15%          | 12.7        | 2.8         | 15%              |
| <a href="#">ANV</a> (New) | HOSE  | 28,550  | 42,824        | 12/12/2018      | 588                     | 3,890        | 14,795      | 38%          | 18%          | 12.0        | 2.9         | 20%              |
| <a href="#">LHG</a>       | HOSE  | 18,150  | 27,200        | 05/12/2018      | 182                     | 3,643        | 23,964      | 16%          | 9%           | 7.5         | 1.1         | 15%              |
| <a href="#">GIL</a>       | HOSE  | 37,000  | 47,122        | 04/12/2018      | 176                     | 9,237        | 38,783      | 27%          | 11%          | 5.1         | 1.2         | 30%              |
| <a href="#">NTC</a>       | UPCOM | 87,000  | 91,800        | 04/12/2018      | 440                     | 27,497       | 34,719      | 94%          | 14%          | 7.1         | 3.2         | 60%              |
| <a href="#">ACB</a>       | HNX   | 29,200  | 37,400        | 29/11/2018      | 5,349                   | 4,289        | 17,477      | 28%          | 2%           | 8.7         | 2.1         | 15%              |
| <a href="#">DVP</a>       | HOSE  | 39,600  | 66,000        | 28/11/2018      | 326                     | 6,879        | 28,359      | 26%          | 23%          | 9.6         | 2.3         | 45%              |
| <a href="#">HVN</a>       | UPCOM | 37,200  | 36,000        | 14/11/2018      | 2,145                   | 1,512        | 13,897      | 12%          | 2%           | 21.8        | 2.4         | 8%               |
| <a href="#">KDH</a>       | HOSE  | 30,000  | 32,900        | 14/11/2018      | 671                     | 1,736        | 15,050      | 11%          | 7%           | 18.9        | 2.1         | 5%               |
| <a href="#">TNG</a>       | HNX   | 17,400  | 22,705        | 05/11/2018      | 175                     | 3,548        | 15,909      | 25%          | 7%           | 6.4         | 1.4         | 20%              |
| <a href="#">TCM</a>       | HOSE  | 26,300  | 29,986        | 05/11/2018      | 241                     | 4,436        | 32,810      | 21%          | 7%           | 6.8         | 0.9         | 10%              |
| <a href="#">VJC</a>       | HOSE  | 122,500 | 104,300       | 05/11/2018      | 5,810                   | 10,727       | 42,703      | 46%          | 18%          | 12.5        | 3.9         | 40%              |
| <a href="#">FPT</a>       | HOSE  | 42,400  | 57,500        | 17/10/2018      | 3,533                   | 5,124        | 19,748      | 28%          | 14%          | 10.0        | 2.9         | 25%              |
| <a href="#">REE</a>       | HOSE  | 32,900  | 44,300        | 15/10/2018      | 1,609                   | 5,190        | 29,499      | 19%          | 11%          | 7.7         | 1.3         | 16%              |
| <a href="#">TCB</a>       | HOSE  | 26,650  | 33,200        | 11/10/2018      | 7,894                   | 2,258        | 15,417      | 20%          | 3%           | 14.7        | 2.2         | N/A              |
| <a href="#">MWG</a>       | HOSE  | 83,200  | 142,833       | 10/10/2018      | 2,962                   | 9,166        | 56,429      | 47%          | 11%          | 15.6        | 2.5         | 15%              |
| <a href="#">VNM</a>       | HOSE  | 135,900 | 160,172       | 27/09/2018      | 11,192                  | 6,427        | 20,487      | 44%          | 31%          | 24.9        | 7.8         | 50%              |
| <a href="#">VCB</a>       | HOSE  | 55,800  | 67,701        | 26/09/2018      | 13,859                  | 3,852        | 18,162      | 23%          | 1%           | 16.7        | 3.6         | 108%             |
| <a href="#">HPG</a>       | HOSE  | 29,700  | 46,600        | 18/09/2018      | 9,172                   | 4,318        | 18,520      | 26%          | 15%          | 10.8        | 2.5         | N/A              |

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.